TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 749/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/07/2018
V/v tranh chấp : " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiển

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Sao

2/ Ông Nguyễn Hải Đăng

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 07 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 03 năm 2018 về " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh Th. – sinh năm 1982

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Tp. HCM.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trường Gi. – sinh năm 1978

Địa chỉ: Số X2, đường Y2, phường Z, quận Tân Phú, Tp. HCM.

(Tại phiên tòa bà Thanh Th., ông Trường Gi. - có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2018, bản tự khai và các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh Th. và bị đơn ông Nguyễn Trường Gi. cùng xác nhận ông bà chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2010 tại UBND phường Z, quận Tân Phú, Tp. HCM.

* Về mâu thuẫn gia đình :

- Bà Trần Thị Thanh Th. trình bày : Bà yêu cầu xin ly hôn vì ông Gi. có người phụ nữ khác bên ngoài (gia đình và hàng xóm xung quanh đều biết sự

việc, con trai có nhìn thấy các tấm hình của ba chụp chung người phụ nữ khác bên ngoài), vợ chồng không phù hợp tính tình lối sống nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trường Gi.

- Ông Nguyễn Trường Gi. trình bày: Ông cho rằng ông không có người phụ nữ khác bên ngoài, mối quan hệ chỉ là bạn bè, những hình ảnh trong máy mà con cái bắt gặp không phải là hình ảnh của ông mà là hình ảnh ông tải từ mạng internet xuống. Bên cạnh đó ông nhận thấy bà Th. không tôn trọng và thường có những lời nói xúc phạm đến ông bà nội. Ông nhận thấy đó không phải là việc làm của người con dâu. Bên cạnh đó, trong cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà Th. không phù hợp tính tình, lối sống nên không thể cảm thông, chia sẽ với nhau trong cuộc sống. Tuy nhiên, trước yêu cầu xin ly hôn của bà Th. thì ông không đồng ý vì ông nghĩ tới con chung.

* Về con chung: Hai bên đương sự xác nhận có 01 người con chung tên Nguyễn Trường A. – sinh ngày 09/4/2011.

- Bà Trần Thị Thanh Th. trình bày: Bà yêu cầu trực tiếp được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ đủ tuổi trưởng thành.

Bà Th. có công việc làm bên nghành nha sĩ, mỗi tháng trung bình thu nhập khoảng từ 07 đến 08 triệu đồng / tháng.

- Ông Nguyễn Trường Gi. trình bày: Ông không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu về con chung, từ tháng 03, tháng 04/2018 và về sau nữa thì mỗi tháng ông chu cấp tiền nuôi con cho bà Th. là 5.000.000 đồng/ tháng. Ngoài ra ông sẽ lo thêm tiền ăn và tiền sữa cho con mỗi tháng khoảng 2.000.000 đồng/tháng (tuy nhiên khoản tiền ăn và tiền sữa này ông tự chăm lo, không đưa tiền cho bà Th.). Ngoài ra ông không chi cấp thêm tiền nào khác. Nếu ly hôn, ông giành quyền trực tiếp nuôi con, ông không yêu cầu cấp dưỡng. Ông Gi. làm nghề xây dựng, trung bình mỗi tháng thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng.

* Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn bà Trần Thị Thanh Th. vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn ông Nguyễn Trường Gi. vẫn giữ nguyên yêu cầu về quan hệ hôn nhân, về quyền trực tiếp nuôi con, về tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên ông Gi. trình bày thêm tại phiên tòa: do hiện nay việc làm ăn của ông gặp nhiều khó khăn, thua lỗ nên thu nhập chính giảm còn khoảng 10 triệu đồng/tháng.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến tóm tắt như sau :

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ , xác định đúng tư

cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, về con chung: giao con chung cho bà Th. trực tiếp nuôi dưỡng, về mức cấp dưỡng nuôi con: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho phù hợp với thu nhập thực tế của đương sự, về tài sản chung, nợ chung: không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 22 tháng 02 năm 2017 bà Trần Thị Thanh Th. nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trường Gi., vì vậy đây là vụ án hôn nhân gia đình. Do bị đơn ông Nguyễn Trường Gi. đang cư ngụ tại địa chỉ số X2, đường Y2, phường Z, quận Tân Phú, Tp. HCM. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 25/2010, quyển số 01/TSN ngày 08/03/2010 của UBND phường Z, quận Tân Phú, Tp.HCM cấp cho các đương sự thì ông Nguyễn Trường Giang và bà Trần Thị Thanh Thảo đủ độ tuổi kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Về mâu thuẫn gia đình: Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "…Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được…" .

Mặc dù bị đơn ông Nguyễn Trường Gi. không đồng ý ly hôn vì nghĩ đến con chung còn nhỏ nhưng bản thân ông vẫn xác nhận giữa ông và bà Th. không phù hợp về tính tình, lối sống nên không thể cảm thông, chia sẽ với nhau trong cuộc sống. Ông cho rằng bà Th. không tôn trọng và thường có những lời nói xúc phạm đến ông bà nội. Bên cạnh đó, bà Th. thì cho rằng ngoài việc không phù

hợp về tính tình, lối sống thì ông Gi. có người phu nữ khác bên ngoài nên giữa vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng. Hội đồng xét xử đã cố hàn gắn cho ông Nguyễn Trường Gi. và bà Trần Thị Thanh Th. nhưng vẫn không thành vì mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh Th.

* Về con chung : Ông Nguyễn Trường Gi. và bà Trần Thị Thanh Th. cùng xác nhận có chung một người con tên Nguyễn Trường A. – sinh ngày 09/4/2011. Xét giấy khai sinh số 156/2011 ngày 10/5/2011 do Ủy ban nhân dân phường Z, quận Tân Phú, Tp.HCM cấp thì có căn cứ chứng minh trẻ Nguyễn Trường A. – sinh ngày 09/4/2011 là con chung của ông Nguyễn Trường Gi. và bà Trần Thị Thanh Th. Tại bản tự khai ngày 03/4/2018, trẻ Nguyễn Trường A. có nguyện vọng được chung sống cùng bà Th. vì bà Th. là người thường xuyên chăm sóc cho trẻ. Bên cạnh đó, vì do đặc thù công việc (nghề xây dựng) nên ông Gi. ít có thời gian để chăm lo và vui chơi cùng trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao trẻ Nguyễn Trường A. – sinh ngày 09/4/2011 cho bà Trần Thị Thanh Th. trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Trường Gi. trình bày do hiện nay việc làm ăn của ông gặp nhiều khó khăn, thua lỗ nên thu nhập chính giảm còn khoảng 10 triệu đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng là có căn cứ, phù hợp với thu nhập thực tế của bị đơn ông Nguyễn Trường Gi.

Về tài sản chung, nợ chung: do ông Nguyễn Trường Gi. và bà Trần Thị Thanh Th. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh Th. phải nộp theo quy định của pháp luật.

Phí cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Trường Gi. phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sư năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử : Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh Th. được ly hôn với ông Nguyễn Trường Gi.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2010, quyển số 01/TSN ngày 08/03/2010 của UBND phường Z, quận Tân Phú, Tp. HCM cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trường A. – sinh ngày 09/4/2011 cho bà Trần Thị Thanh Th. trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trường Gi. cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Bắt đầu thực hiện từ khi án có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Việc cấp dưỡng nuôi con đươc thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng, nếu người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không thi hành, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Trường Gi. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Trần Thị Thanh Th. cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc ông Nguyễn Trường Gi. thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Vì cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do ông Nguyễn Trường Gi. và bà Trần Thị Thanh Th. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Thị Thanh Th. phải nộp, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Th. đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010727 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà Th. đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Trường Gi. phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Về quyền kháng cáo : Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hiển